



TÀI LIỆU DỊCH TLD-09

**MƯỜI SÁU NỖI SỢ HÃI:
TÂM LÝ CHIẾN LƯỢC CỦA TRUNG QUỐC**

Michael Pillsbury

Một ấn phẩm của VEPR

Mười sáu nỗi sợ hãi: Tâm lý chiến lược của Trung Quốc¹

Michael Pillsbury²

Biên dịch: Nguyễn Thế Phương³

Hiệu đính: Nguyễn Huy Hoàng⁴

Quan điểm được trình bày trong bài viết này là của (các) tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của dịch giả hoặc VEPR và VCES.

¹ Nguồn: Michael Pillsbury, 2012, “The Sixteen Fears: China's Strategic Psychology,” *Survival*, Vol. 54, Iss. 5, pp. 149-182.

² Nghiên cứu viên cao cấp tại Viện Hudson. Ông từng là Giám đốc kế hoạch của Lầu Năm Góc dưới thời chính quyền Reagan, Trợ lý Thứ trưởng Quốc phòng về Hoạch định Chính sách, và sau đó là Trợ lý đặc biệt về châu Á cho Giám đốc Net Assessment dưới thời chính quyền Bush (cha). Ông là biên tập viên của tuyển tập *Chinese Views of Future Warfare* (1997) và là tác giả cuốn *China Debates the Future Security Environment* (2000), cả hai đều do NDU Press xuất bản. Các quan điểm trình bày trong tài liệu này không đại diện cho chính phủ Hoa Kỳ.

³ Nghiên cứu viên Khoa Quan hệ Quốc tế, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP HCM.

⁴ Sinh viên khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Trợ lý biên tập *Nghiên cứu quốc tế*, nghiencuuquocte.net.
Email: hoanghannom@gmail.com

Trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh, một nhóm các nhà hoạch định chiến lược phòng thủ có ảnh hưởng của Hoa Kỳ đã cố gắng tìm hiểu các quyết định phòng thủ chiến lược của Liên Xô thông qua việc thấu hiểu cách suy nghĩ của siêu cường này, bao gồm tìm hiểu xem các tướng lĩnh Xô Viết suy nghĩ như thế nào về chiến tranh và các đối thủ của mình. Mục tiêu này chỉ có thể đạt được thông qua tăng cường thu thập các phân tích tình báo chiến lược cũng như phân tích của giới học giả, đi kèm với đó là việc sử dụng các nguồn thông tin có thể được tiếp cận một cách rộng rãi và dễ dàng. Theo George Kennan trong phân tích về cách tư duy của nhà nước Xô Viết, thì quá trình này “sẽ yêu cầu bạn phải sống chung với mâu thuẫn.”

Nỗ lực tương tự nhằm hiểu rõ cách suy nghĩ của Trung Quốc cho đến nay vẫn chưa được các chiến lược gia hiện đại thực hiện. Những chủ trương chính sách khác nhau về Trung Quốc phần lớn vẫn chưa thể tiếp cận được với những tài liệu vốn có thể giúp cho các chính sách đó thấu hiểu hơn về cách thức mà người Trung Quốc sẽ phản ứng, lý do không chỉ là bởi rào cản ngôn ngữ và những hạn chế trong việc phát hành hay phổ biến những tài liệu đó, mà là bởi vì, để có thể dự đoán được những quyết định chính sách về phòng thủ trong dài hạn, các yếu tố tâm lý văn hoá cũng quan trọng không kém so với các yếu tố duy lý và nhận thức khác. Việc hiểu rõ nỗi sợ hãi và lo lắng của Trung Quốc về các vấn đề mang tính quân sự có thể cung cấp những nhận thức mới liên quan đến quá trình hoạch định chính sách quân sự của nước này, qua đó giúp các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ đưa ra những lựa chọn chiến lược thành công nhất. Tuy vậy, hiểu được các yếu tố tâm lý văn hoá của Trung Quốc sẽ khó khăn hơn rất nhiều nếu so sánh với những nghiên cứu tương tự về Liên Xô. Ví dụ, Nathan Leites đã cho rằng, sẽ khó khăn hơn trong việc tìm hiểu Trung Quốc so với ngôn ngữ và văn hoá Nga.

Nhiều nhà quan sát đã chỉ ra sự thiếu minh bạch của Trung Quốc trong việc xác định quy mô, mức độ và các mục tiêu dài hạn trong các kế hoạch hiện đại hoá quân đội của nước này. Nếu nhìn lại khoảng thời gian trước đây, đã có những dự báo đánh giá quá cao hay đánh giá thấp quá trình phát triển của quân đội Trung Quốc. Nhiều cơ hội chính sách dựa một phần trên hiểu biết về những lựa chọn mà Trung Quốc đã đưa ra, hay những hiểu biết về những lựa chọn trong tương lai mà các quốc gia khác có thể có những ảnh hưởng nào đó lên những lựa chọn đó. Xuất phát từ những dấu hiệu và bằng chứng từ các nguồn phổ biến khá hạn chế nhưng có thể tiếp cận được, bên cạnh đó là một báo cáo liên quan tới các bài viết nội bộ của Trung Quốc, 16 yếu tố tâm lý – sự sợ hãi và tính dễ bị tổn thương mang yếu tố quân sự – có thể được đưa ra nhằm xác định tại sao Trung Quốc lại thiết lập các lực lượng quân sự của mình như hiện tại và làm sáng tỏ thêm những yếu tố có khả năng ảnh hưởng tới chính sách quân sự của Trung Quốc trong tương lai.

Chính sách của Hoa Kỳ và nỗi sợ hãi của Trung Quốc

Những lời kêu gọi rộng rãi yêu cầu cần phải tăng cường can dự với Trung Quốc từ lâu đã trở nên phổ biến trong giới hoạch định chính sách Hoa Kỳ. Những người ủng hộ chính sách can dự tấn công vào những đối thủ không có thực vốn mong muốn phát động chiến tranh và xây dựng một chính sách ngăn chặn tích cực nhắm vào Trung Quốc. Vì thế trong khi khảo cứu những bài nghiên cứu trong thập kỷ trước ở Hoa Kỳ, không thể tìm được bất cứ một tác giả nào đề xuất chính sách ngăn chặn hay dự đoán về một cuộc chiến chắc chắn sẽ xảy ra với Trung Quốc. Thay vào đó, các tác giả hầu như không đề tâm tới các vấn đề mà một Trung Quốc đang nổi sẽ gây ra. Họ tối thiểu hoá sự thù địch đáng sợ từ phía quân đội Trung Quốc thông qua giả định rằng quá trình can dự Mỹ-Trung nếu thành công sẽ khiến những mối lo ngại nghiêm trọng về đối đầu quân sự trở nên không còn phù hợp. Quan điểm này thống trị cho tới năm 2009, khiến các quan chức tình báo và quân sự trở nên coi thường tốc độ phát triển của hải quân Trung Quốc trong suốt hơn một thập kỷ phát triển nhanh chóng của nước này. Như Henry Kissinger đã đề cập trong một bài viết gần đây, “có đầy đủ tư liệu trên các ấn phẩm truyền thông bán chính thức và các viện nghiên cứu để có thể phần nào ủng hộ cho lý thuyết cho rằng các mối quan hệ đang dần hướng tới đối đầu thay vì hợp tác.” Đối mặt với quá trình phát triển quân đội nhanh chóng và một Trung Quốc ngày càng quyết đoán trong suốt những năm vừa qua, quan niệm về một quá trình tương tác giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc một cách vô điều kiện có thể tiếp tục phát triển trong tương lai đã nhanh chóng mất đi sức hút.

Quan điểm thứ hai về cách thức đối phó tốt nhất với Trung Quốc của các nhà phân tích Hoa Kỳ có thể được mô tả là cách tiếp cận “lấy cương khắc cương” (meet-force-with-force approach). Những người ủng hộ cách tiếp cận này là các cá nhân đi đầu trong việc đề xuất tiếp nhận những hệ thống vũ khí mới, khẳng định rằng họ muốn duy trì trạng thái cân bằng lực lượng truyền thống vốn bị phá vỡ bởi quá trình phát triển năng lực quốc phòng của Trung Quốc. Trong khi một số hệ thống vũ khí nhất định nhận được những lập luận thoả đáng, những đề xuất và phân tích quân sự có liên quan bày tỏ quan tâm chủ yếu tới các vấn đề về kỹ thuật và ngân sách, ví dụ như việc gia tăng gấp đôi năng lực đóng tàu của Hoa Kỳ hay Cục Tác chiến Không-Biển Hoa Kỳ, sẽ nằm ngoài phạm vi của bài viết này.

Thay vào đó, bài viết này tập trung vào loại đề xuất thứ ba, vốn là sản phẩm của các “chiến lược gia.” Những người đưa ra các đề xuất như vậy hiểu rõ được hạn chế trong chi tiêu ngân sách quốc phòng tương lai của Hoa Kỳ và hiểu rõ tầm quan trọng của việc phân bổ nguồn lực một cách thông minh. Những nhân vật này được truyền cảm hứng bởi các chiến lược gia địa

chính trị cổ điển khởi đầu từ Richelieu và rút ra được các bài học từ cách tiếp cận của Hoa Kỳ đối với Liên Xô.

Các đề xuất chính sách mà họ phát triển nhằm vào Trung Quốc xoay quanh ba khái niệm: tái đảm bảo; gánh vác chi phí; và can ngăn. Với tái đảm bảo, hệ thống chính sách có mục tiêu thuyết phục các lãnh đạo Trung Quốc rằng quá trình mở rộng năng lực quân sự của họ là quá đáng và họ nên hạn chế quá trình mở rộng đó. Các đề xuất tái đảm bảo này có thể được kết hợp với một hệ thống chính sách thứ hai vốn sử dụng các chiến lược áp đặt chi phí, với mục tiêu tạo ảnh hưởng tới các quyết định của Trung Quốc trong tương lai. Giống như trong một ván cờ vua, mỗi nước đi của Hoa Kỳ đều có thể tạo ra một nước phản đòn, với mục tiêu định hướng lại các kế hoạch đầu tư quân sự của Trung Quốc. Thay vì đầu tư vào các hệ thống vũ khí mang tính ngăn chặn và đầu tư vào khả năng triển khai sức mạnh ở bên ngoài lãnh thổ, các nước đi của Hoa Kỳ sẽ khiến Trung Quốc chỉ tập trung đầu tư vào các hệ thống phòng thủ nội địa thông thường mà thôi. Cuối cùng, các chính sách can ngăn nhằm vào Trung Quốc bằng cách khiến cho nước này tự nhận thấy rằng việc đầu tư vào các hệ thống vũ khí ngăn chặn là không phù hợp.

Một cách để đánh giá hiệu quả tiềm năng của các chính sách này là áp dụng quy tắc “trước tiên, đừng gây hại,” vốn yêu cầu bất cứ cách tiếp cận chính sách nào khi theo đuổi những kỹ thuật này đều phải nhận thức một cách rõ ràng về những phản ứng có khả năng xảy ra từ phía Trung Quốc. Một chiến lược cho Hoa Kỳ và các nước láng giềng của Trung Quốc cần phải được thiết kế như thế nào để hạn chế các yếu tố ngăn chặn tới từ quá trình tăng cường năng lực quân sự của Trung Quốc? Bất cứ nỗ lực nào của Hoa Kỳ và các nước láng giềng chủ yếu của Trung Quốc (Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, Việt Nam, và Trung Á) trong việc thực hiện tái đảm bảo hay ngăn cản Trung Quốc đầu tư vào các hệ thống vũ khí mang tính ngăn chặn và khả năng triển khai sức mạnh chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng bởi quy trình hoạch định chính sách và nhận thức quân sự của giới lãnh đạo Trung Quốc.

Tuy nhiên, thật không may, quá trình hoạch định chính sách như đề cập ở trên là không rõ ràng. Những ai không phải là người Trung Quốc sẽ rất khó khăn trong việc phân tích môi trường văn hoá đặc biệt gần như duy nhất của các chiến lược gia Trung Quốc để có thể xem xét theo đuổi chính sách phù hợp. Ở nhiều cuộc đối đầu trong lịch sử, các chiến lược gia thường tìm cách hiểu rõ suy nghĩ và động cơ của đối thủ để có thể phán đoán chính xác hơn hành động của họ. Về mặt khái niệm, hành vi của các chiến lược gia được định hình bởi các phân tích duy lý, tuy nhiên hành vi của đa số những chủ thể chiến lược lại bị ảnh hưởng rất lớn bởi các yếu tố đặc biệt mang tính tâm lý: những nhân tố như tình cảm, văn hoá và sự sợ hãi.

Mười sáu nỗi sợ

Mười sáu nỗi sợ này giải thích lý do tại sao Bắc Kinh lại nhận thức được các yêu cầu chiến lược cụ thể của mình và tập trung quá trình xây dựng sức mạnh quốc phòng trong suốt thập kỷ vừa qua dựa trên một số hệ thống vũ khí nhất định. Sẽ không có cách nào để biết được rằng danh sách này đã hoàn chỉnh hay chưa, cũng như không thể xếp hạng được mức độ lớn hay nhỏ của những nỗi sợ này, tuy nhiên tất cả đều có thể tiếp tục ảnh hưởng tới quá trình hoạch định chính sách quốc phòng của Trung Quốc trong dài hạn.

1. Bị phong tỏa bởi các chuỗi đảo (Fear of an island blockade)

Nhiều nhân vật trong hàng ngũ quân đội Trung Quốc lo sợ rằng nước này sẽ dễ dàng bị phong tỏa bởi một thế lực bên ngoài thông qua một chuỗi đảo kéo dài từ Nhật Bản xuống tới Philippines vốn có thể nhanh chóng biến thành một pháo đài bao vây Trung Quốc. Những hòn đảo này được xem là những rào cản địa lý tự nhiên ngăn cản Trung Quốc tiếp cận vùng đại dương vốn đang được các quốc gia xung quanh khai thác mạnh mẽ. Thực vậy, một cựu Tham mưu trưởng Hải quân Nhật Bản đã từng khoe rằng các tàu ngầm của Trung Quốc sẽ không thể lách qua được chuỗi đảo Ryukyu để tới được Thái Bình Dương, cũng không thể tiến về phía Bắc hay phía Nam đảo Đài Loan, hay đi qua eo Bashi (Luzon) mà không bị các lực lượng chống ngầm của Hoa Kỳ hay Nhật Bản phát hiện. Các tác giả chuyên về quân sự của Trung Quốc thường xuyên thảo luận về sự cần thiết phải tăng cường huấn luyện, luyện tập cũng như một kế hoạch quân sự nhằm phá thế trận phong tỏa bởi các chuỗi đảo này. Một phân tích về nghiên cứu tác chiến mô tả bảy khả năng của kẻ thù mà các tàu ngầm của Trung Quốc phải vượt qua nếu muốn phá vỡ phong tỏa. Đối thủ được giả định sở hữu một hệ thống phong tỏa chống Trung Quốc bao gồm mạng lưới chống tàu ngầm, hệ thống định vị thủy âm, thủy lôi, các tàu chiến mặt nước, các máy bay chống ngầm, tàu ngầm và vệ tinh trinh sát. Các sĩ quan Trung Quốc viết bài phân tích này đã dẫn ra 10 nghiên cứu trước đó trong giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2004 vốn cũng đã phân tích làm thế nào dự trữ được đủ lực lượng để có thể phá vỡ thế phong tỏa thông qua các chuỗi đảo.

2. Bị mất nguồn tài nguyên biển (Fear of a loss of maritime resources)

Một nỗi sợ khác liên quan tới biển vốn gây lo lắng cho các tác gia Trung Quốc chính là việc các nguồn tài nguyên quý giá bên trong các đường biên giới lãnh thổ trên biển đang bị các cường quốc bên ngoài bòn rút do sự yếu kém của Hải quân Trung Quốc, đe dọa tới quá trình phát triển trong tương lai của đất nước. Nhiều đề xuất đã được đưa ra nhằm cải thiện tình trạng này. Trương Văn Mộc (Zhang Wenmu), cựu nghiên cứu viên tại một cơ quan nghiên cứu thuộc

Bộ An ninh Quốc gia, đã đi khá xa khi đề cập rằng: “Lực lượng Hải quân liên quan tới sức mạnh biển của Trung Quốc, và sức mạnh biển có liên quan tới quá trình phát triển trong tương lai của Trung Quốc. Như tôi thấy, nếu một quốc gia thiếu đi quyền lực trên biển, tương lai phát triển của quốc gia này sẽ chám hết.” Một bài viết đăng tải trên tạp chí Nghiên cứu Kinh tế Quân sự (*Junshi Jingji Yanjiu*) vào năm 2005 đã cho rằng nền kinh tế đối ngoại, ngoại thương và thị trường nước ngoài của Trung Quốc đều yêu cầu cần phải có một lực lượng quân sự mạnh với vai trò một hình thức đảm bảo, nếu không Trung Quốc có thể sẽ rơi vào trạng thái bị động.

3. Các tuyến đường liên lạc trên biển bị bóp nghẽn (Fear of the choking-off of sea lines of communication)

Nhiều bài viết từ Trung Quốc đã đề cập tới tính dễ bị tổn thương của các tuyến đường liên lạc trên biển (SLOCs), đặc biệt là tuyến đường chuyên chở dầu huyết mạch qua eo biển Malacca. Những người ủng hộ việc phát triển một lực lượng hải quân nước xanh nhấn mạnh vào sự thiếu an ninh trong quá trình nhập khẩu năng lượng của Trung Quốc. Theo một nhà quan sát Trung Quốc, các hạm đội của Hoa Kỳ, Nhật Bản, và Ấn Độ cùng nhau “sẽ tạo ra sức ép áp đảo tới nguồn cung dầu lửa của Trung Quốc,” mặc dù một nghiên cứu khác kết luận rằng “chỉ có Hoa Kỳ mới có đủ sức mạnh và can đảm tiến hành phong tỏa các con đường vận chuyển dầu của Trung Quốc.” Tương tự như vậy, *Hướng dẫn nghiên cứu lý thuyết chiến dịch*, một cuốn sách giáo khoa được viết năm 2001 bởi các học giả tại Đại học Quốc phòng Trung Quốc (China’s National Defense University – NDU), đã đưa ra một số viễn cảnh tiềm ẩn trong việc ngăn chặn và phòng thủ các tuyến đường liên lạc trên biển. Khoa học về Chiến dịch, một tài liệu quan trọng cũng do NDU xuất bản, đã thảo luận về cách thức bảo vệ SLOC trong ấn bản năm 2006. Một vài tác giả đã mô tả tính cấp bách: “Xét tới những vấn đề... của việc cấm vận trên biển hay các tuyến đường hàng hải vận chuyển dầu bị cắt đứt... Trung Quốc phải... ‘sửa lại nhà trước khi cơn mưa tới.’” Những người ủng hộ ý tưởng trên dường như mong muốn nhanh chóng dịch chuyển ưu tiên từ một lực lượng hải quân lấy tàu ngầm làm trung tâm hướng tới một lực lượng hải quân lấy tàu sân bay làm hạt nhân. Những ủng hộ tham vọng nhất nhấn mạnh tới đảm bảo an ninh cho các tuyến liên lạc trên biển kêu gọi một sự hiện diện toàn cầu của quân đội Trung Quốc.

4. Bị xâm lược trên bộ hay lãnh thổ bị phân tách (Fear of a land invasion or territorial dismemberment)

Trung Quốc đã vạch ra nhiều kế hoạch đối phó với những tình huống bị xâm lược khác nhau trong một cuốn sổ tay huấn luyện vốn chỉ được sử dụng trong quân đội; và một nghiên

cứ có ảnh hưởng trong năm 2005 được thực hiện bởi các học giả từ NDU, Học viện Khoa học Quân sự và những trung tâm nghiên cứu chiến lược hàng đầu đã phân tích tính dễ bị tổn thương của tất cả 7 đại quân khu, nghiên cứu những con đường khác nhau mà một lực lượng xâm lược có thể sẽ lựa chọn. Họ sử dụng cấu trúc địa lý của mỗi quân khu và tần suất của các cuộc xâm lược từ các lực lượng quân đội nước ngoài trong lịch sử để dự đoán những điểm yếu có thể xuất hiện trong tương lai trước các cuộc tấn công trên bộ, thậm chí họ còn xác định các nước láng giềng như những kẻ xâm lược tiềm năng. Những thay đổi gần đây về cấu trúc của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc dường như hướng tới việc gia tăng khả năng phòng ngự của đất nước trước các cuộc xâm lược trên bộ.

5. Bị tấn công bởi các lực lượng thiết giáp và đổ bộ đường không (Fear of an armoured or airborne attack)

Ba đại quân khu dọc biên giới phía Bắc với Nga, bao gồm quân khu Bắc Kinh, được cho là dễ bị tấn công bởi các lực lượng thiết giáp và các lực lượng đổ bộ đường không, như được mô tả trong nghiên cứu *Địa lý chiến trường quân sự Trung Quốc*. Cuộc tập trận *Thanh gươm phương Bắc* ở Nội Mông hồi năm 2005 bao gồm nhiều đơn vị thuộc hai sư đoàn thiết giáp: trên 2.800 xe tăng và những phương tiện khác đã cho thấy “sự vận động thực binh lớn nhất” Trung Quốc với sự tham gia của bộ binh cơ giới và một nhiệm vụ không vận với khoảng cách trên 2.000 km, giả định một cuộc tấn công của các phần tử khủng bố được quân đội nước ngoài hỗ trợ. Chúng ta có thể phỏng đoán từ truyền thông rằng cuộc tập trận này có mục đích chống lại một cuộc xâm lược giả định do một lực lượng thiết giáp nào đó tiến hành.

6. Bất ổn nội bộ, nổi loạn, nội chiến hoặc khủng bố (Fear of internal instability, riots, civil war or terrorism)

Những tuyên bố liên tục của Trung Quốc chống lại “những kẻ li khai” ở Đài Loan, Tây Tạng, và Tân Cương đã dần được chấp nhận như một thông điệp bình thường, tuy nhiên những tuyên bố như vậy phản ánh lo lắng rất lớn về toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc. Một nhà nghiên cứu thuộc Ủy ban Đối ngoại Trung ương Đảng đã đặt các mối đe dọa đến từ bên trong như “những kẻ li khai” và phong trào tôn giáo Pháp Luân Công ở mức độ nguy hiểm ngang hàng với mối đe dọa xuất phát từ vị trí bá chủ của Hoa Kỳ. Điều này trùng hợp với mối lo ngại của Bắc Kinh về khủng bố, với nhiều học giả đã ghi nhận những bằng chứng có liên quan tới các sự kiện bạo lực và cảnh báo rằng cần phải hành động nhiều hơn nữa. Tính đến tháng 9 năm 2003, truyền thông Trung Quốc ghi nhận 10 cuộc diễn tập chống khủng bố được tiến hành trên khắp đất nước trong chỉ vòng 1 tháng, đến mức mà Nhân dân Nhật báo, cơ quan ngôn luận của

Đảng Cộng sản đã phải mô tả là “hiếm khi xảy ra trước đây.” Các kịch bản diễn tập xuyên suốt bao gồm bắt cóc con tin, cướp ngân hàng, tấn công có vũ trang vào các cơ sở của chính quyền và các sự kiện thể thao, giả lập các cuộc tấn công bằng vũ khí sinh học và hoá học, các toà nhà cao tầng bị đổ sập, các vụ nổ tại trung tâm thương mại và các chất hoá học bị đánh cắp.

7. Các đường ống vận chuyển bị tấn công (Fear of attacks on pipelines)

Truyền thông Trung Quốc đã báo cáo về những cuộc diễn tập phòng thủ đường ống diễn ra hằng năm (hay còn được gọi là các cuộc diễn tập *Vạn lý Trường Thành*) ít nhất là từ 2001. Mối đe dọa đến các đường ống liệu có liên quan chủ yếu tới chủ nghĩa khủng bố ở nội địa hay là một phần của một cuộc xâm lược tiềm tàng trên bộ hay không vẫn chưa được xác định. Nỗi sợ hãi này có thể được thể hiện phần nào thông qua các kế hoạch huấn luyện cụ thể và thông qua việc thiết lập các lực lượng chống khủng bố của Trung Quốc.

8. Các cuộc tấn công xuất phát từ nhóm tàu sân bay (Fear of aircraft-carrier strikes)

Trong ít nhất một thập kỷ, các học giả quân sự Trung Quốc đã đánh giá mối đe dọa xuất phát từ các tàu sân bay của Hoa Kỳ và phân tích làm thế nào để có thể đối phó tốt nhất với những mối đe dọa đó. Các nghiên cứu phân tích tác chiến đã đưa ra cách thức sử dụng lực lượng quân sự Trung Quốc để đối phó với các điểm yếu của tàu sân bay Hoa Kỳ, trong khi những nghiên cứu khác liệt kê những hệ thống vũ khí mà Trung Quốc nên đầu tư phát triển. Các “tên lửa chống tàu sân bay” của Trung Quốc là một trong những câu trả lời cho nỗi sợ hãi này.

9. Các cuộc tấn công đường không bởi không quân (Fear of major air-strikes)

Trong suốt chiều dài lịch sử của mình, lực lượng Không quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc luôn bị coi là lạc hậu, và bị đánh giá là không quan trọng bằng lực lượng lục quân vốn đông đảo hơn. Tuy nhiên, kể từ năm 2004, không quân Trung Quốc đã đảm nhận nhiều nhiệm vụ hơn và có được một vị thế bình đẳng hơn so với các quân chủng khác. Trong khi tìm cách tái định nghĩa nhiệm vụ của mình, không quân Trung Quốc đã cho thanh lý gần 3.000 máy bay kể từ năm 1990, giảm số lượng máy bay chiến đấu trong biên chế từ 5.000 xuống còn khoảng 2.000 máy bay vốn sở hữu năng lực tốt hơn trong việc bảo vệ lãnh thổ. Lục quân cũng tiếp tục gia tăng vai trò của mình trong các nhiệm vụ phòng không. Một nửa trong số các tập đoàn quân của Trung Quốc hiện nay sở hữu các lữ đoàn phòng không. Thêm vào đó, lục quân cũng đã nhận vào trang bị một số lượng lớn khí tài trong thập kỷ vừa qua, bao gồm súng pháo phòng không (anti-aircraft artillery guns – AAA guns), các loại tên lửa đất đối không và các khí tài

công binh. Toàn bộ một phần ba các sư đoàn dự bị của lục quân là các đơn vị AAA, bằng chứng cho nỗi sợ hãi bị các lực lượng không quân tấn công.

10. Đài Loan độc lập (Fear of Taiwanese independence)

Một Đài Loan độc lập không những là thảm họa cho tính chính danh của chế độ, sự độc lập của hòn đảo này còn được quân đội Trung Quốc cho là một mất mát về quân sự khi xét đến các con đường hàng hải xung quanh Đài Loan cũng như việc Đài Loan có thể bị các cường quốc bên ngoài sử dụng làm căn cứ và củng cố các chuỗi đảo để bao vây Trung Quốc. Nhiều bài viết từ Trung Quốc về Đài Loan tạo ra ấn tượng rằng lực lượng quân sự Trung Quốc vẫn chưa đủ khả năng để ngăn chặn quá trình độc lập. Trung Quốc đã đầu tư mạnh mẽ vào những năng lực nhắm tới giải quyết vấn đề Đài Loan, bao gồm hệ thống hậu cần chung cho các quân chủng, tăng cường năng lực chỉ huy và kiểm soát trong các chiến dịch hiệp đồng binh chủng, gia tăng năng lực hải quân để có thể thách thức và trì hoãn lực lượng hải quân Hoa Kỳ tại các khu vực chính yếu, và phát triển năng lực không quân cũng như tấn công chính xác dành cho các xung đột ở tầm khu vực. Tuy nhiên nỗi sợ hãi vẫn còn đó.

11. Không sở hữu một lực lượng hữu hiệu để “giải phóng” Đài Loan (Fear of insufficient forces to ‘liberate’ Taiwan)

Kể từ năm 1992, Quân Giải phóng Nhân dân đã tập trung mạnh mẽ vào những thiếu hụt trong năng lực đối phó với các khủng hoảng tiềm tàng với vùng lãnh thổ Đài Loan. Các cuộc diễn tập quân sự trong 15 năm qua tập trung chủ yếu vào tác chiến đổ bộ, khi cả hải quân và không quân đều tập trung vào những nhiệm vụ tương ứng của mình nhằm hỗ trợ cho các chiến dịch nhắm vào đảo Đài Loan. Kết quả là, trong những năm vừa qua quân đội Trung Quốc đã thể hiện được một số cải thiện về độ phức tạp cũng như chất lượng của các cuộc diễn tập trên. Gần đây, các lĩnh vực khác như chỉ huy và kiểm soát, tác chiến hiệp đồng hay chiến tranh điện tử đã và đang được tập trung cải thiện. Hải quân Trung Quốc đang tiến hành đóng mới hàng loạt các tàu tuần tra tên lửa lớp *Hồng Bại (Houbei)*, trong khi đó tiến độ đóng mới các tàu khu trục và tàu ngầm diesel hiện đại rõ ràng là đang bị chậm lại. Chi tiêu của Trung Quốc trong những năm gần đây đã dồn vào việc thu hẹp khoảng cách trong phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các cơ sở hậu cần, các tuyến giao thông và các căn cứ hải quân.

12. Các lực lượng tên lửa chiến lược bị tấn công bởi các lực lượng đặc biệt, bị vô hiệu hoá hay bị tấn công bởi các vũ khí chính xác (Fear of attacks on strategic missile forces by commandos, jamming or precision strikes)

Nỗi sợ của Binh đoàn Pháo binh số 2 (Second Artillery Corps), lực lượng tên lửa chiến lược của Trung Quốc, được nêu lên trong những báo cáo do *Rocket Force News* công bố rằng các bài tập huấn luyện đã nhấn mạnh tới các chiến lược chống lại các cuộc tấn công đường không, các cuộc tấn công được thực hiện bởi lực lượng đặc biệt, gây nhiễu điện từ, do thám và tấn công mạng do tin tặc hay vi-rút. Chiến tranh điện tử và các cuộc tấn công mạng vào lực lượng tên lửa của Trung Quốc cũng đang là mối lo ngại đang ngày càng gia tăng. Vào giữa tháng 4 năm 2006, đơn vị trú đóng tại một vùng núi ở phía Nam Trung Quốc đã tiến hành đánh giá huấn luyện tác chiến trong đó “các lực lượng của kẻ thù” đã gây nhiễu điện từ thành công một số chỉ huy.

13. Căng thẳng leo thang và mất kiểm soát (Fear of escalation and loss of control)

Các học giả quân sự Trung Quốc đã bày tỏ mối quan tâm của mình về các khái niệm “kiểm soát chiến tranh” và “kiềm chế chiến tranh,” ám chỉ việc tránh bị mất kiểm soát và tránh leo thang xung đột dẫn tới chiến tranh. Các quan điểm của Trung Quốc liên quan tới chiến tranh thông tin nhấn mạnh tới sự cần thiết phải duy trì sự kiểm soát kể trên; và những thảo luận bên trong Binh đoàn Pháo binh số 2 nhấn mạnh tới các vấn đề về chỉ huy và kiểm soát. Mối quan tâm chính yếu ở đây là nếu như khủng hoảng leo thang, Trung Quốc sẽ không thể duy trì kiểm soát được các lực lượng của mình ngay cả trong suốt khoảng thời gian cuộc chiến đầu tiên xảy ra, vốn thường mang tính quyết định. Các biện pháp duy trì kiểm soát bao gồm triển khai các hệ thống vũ khí “có khả năng thay đổi cục diện chiến trường”; thay đổi cán cân chiến trường tại những thời điểm quan trọng; hay kiểm soát các mục tiêu trọng yếu trước khi tình hình ổn định. Cho tới năm 2001, vấn đề “kiểm soát chiến tranh” được coi là quan trọng và được đề cập hoàn toàn trong một chương trong *Khoa học Chiến lược Quân sự*, tuy nhiên phân tích chuyên sâu nhất về vấn đề này có thể được tìm thấy trong một luận văn tiến sĩ năm 2001 tại NDU của Thượng tá Xiao Tianlang, một phó giáo sư tại Viện Giảng dạy và Nghiên cứu của trường đại học này. Các hướng tiếp cận được đề nghị bao gồm đe dọa về mặt quân sự (*weishe xing* - military intimidation) hay mặc cả (*jiaoyi xing* – bargaining). Trong trường hợp xấu nhất, như các tác giả đã đề cập, cách tiếp cận của quân đội có thể bao gồm “đánh một trận nhỏ để ngăn ngừa một cuộc chiến tranh lớn hơn.” Những khoản đầu tư gần đây để đạt được mục tiêu này bao gồm việc phát triển năng lực chỉ huy và kiểm soát tự động ở cấp độ chiến trường được tích hợp trong hệ thống *Qu Dian* (*Khu điện*), được Hạ nghị sĩ bang Colorado Bob Schaffer mô tả

như là “cách thức gia tăng năng lực chủ yếu.” Phát biểu tại Hạ viện Hoa Kỳ, Schaffer đã so sánh *Qu Dian* với Hệ thống Phân phối Thông tin Hỗn hợp Chiến thuật của Hoa Kỳ (US Joint Tactical Information Distribution System – JTIDS), cho rằng *Qu Dian* “an toàn, kháng nhiễu tốt, có khả năng liên kết thông tin ở mức độ cao trong các nhiệm vụ chiến đấu mang tính chiến thuật.” Trong khi đó, các tàu khu trục lớp *Sovremenny* của Trung Quốc được tạp chí *Janes’s Fighting Ships* cho là “lớp tàu đầu tiên của Trung Quốc sở hữu hệ thống kết nối thông tin,” và các nhà phân tích của Jane tin rằng hệ thống này tương tự với hệ thống mà NATO định danh là *Squeeze Box* (một hệ thống kết nối thông tin của Liên Xô). Theo Larry Wortzel, quân đội Trung Quốc đã có những bước tiến đáng kể trong vòng chưa tới hai thập kỷ nhằm chuyển mình thành một lực lượng có thể tham gia vào các cuộc chiến tranh hiện đại trải dài từ vùng ngoại biên cho tới khu vực có thể cách bờ biển Trung Quốc 1.500 dặm (hơn 2.400 km).

14. Bị tấn công mạng (Fear of cyber attack)

Các học giả quân sự Trung Quốc đã nhấn mạnh tới rất nhiều rủi ro mà hệ thống mạng của nước này đang phải đối mặt, bao gồm các lỗ hổng an ninh mạng và sự thất bại trong việc tạo ra các hệ thống an toàn cũng như các kênh ẩn (cover channels). Theo một nghiên cứu, hệ thống thông tin quân sự Trung Quốc phải đối mặt với “những mối đe dọa nghiêm trọng” trong một cuộc chiến tranh thông tin hiện đại; trong khi đó bốn nghiên cứu khác đã thể hiện mối lo ngại tương tự với hiện trạng phòng thủ mạng hiện tại của quân đội Trung Quốc. Trong một nghiên cứu của Ding Xiaofeng và Xue Zhi, các tác giả đã phân tích sự nguy hiểm của các cuộc tấn công từ chối dịch vụ (DDOS attacks), sử dụng lý thuyết trò chơi để mô tả mức độ nguy hiểm của kiểu tấn công này. Các học giả khác thì lo ngại về những lỗ hổng an ninh tiềm tàng trong hệ thống mạng quân sự của Trung Quốc. Nhiều tiêu chuẩn đánh giá bảo mật đã tích hợp những yêu cầu về phân tích và xử lý các kênh ẩn trong những hệ thống có tính bảo mật cao, bao gồm kỹ thuật dấu tin (steganography) cho phép ẩn đi các thông điệp dưới mắt thường. Để giải quyết những mối lo ngại trên, một đề xuất đã được đưa ra nhằm tiếp nhận những thiết bị phần cứng mới cho phép đảm bảo mức độ bảo mật tốt hơn cho các hệ thống mạng nội bộ. Hệ thống này được Ủy ban Quản lý Mật mã quốc gia chứng nhận kỹ thuật vào tháng 10 năm 2004. Cuối cùng, chính quyền Trung Quốc lo ngại rằng mạng Internet có thể khiến cho dân chúng chống lại mình, và do đó cảm thấy sự cần thiết phải bảo vệ “không gian tâm lý của Trung Quốc.”

15. Các năng lực chống vệ tinh bị tấn công (Fear of attacks on anti-satellite capabilities)

Trong gần một thập kỷ, các học giả Trung Quốc đã liên tục nhắc tới lợi thế của Trung Quốc trong việc phát triển các khả năng chống vệ tinh, nhưng chỉ khi chúng được triển khai

một cách bí mật. Một thượng tá Trung Quốc cho rằng từ năm 2015, Trung Quốc nên phát triển khả năng răn đe không gian và các loại vũ khí không gian “có khả năng thay đổi cục diện,” trong lúc đó đồng thời duy trì chính sách ẩn mình chờ thời để bảo vệ hình ảnh quốc tế của mình. Phản ứng của quốc tế sau vụ thử vũ khí chống vệ tinh của Trung Quốc vào tháng 1 năm 2007 đã phân nào nhân mạnh tầm quan trọng của việc giữ bí mật. Quân đội Trung Quốc có khả năng chưa bao giờ muốn tiết lộ về vụ phá huỷ vệ tinh thời tiết cũ *Fengyun-1 (Phong Vân 1)*, thậm chí là với các cơ quan chính phủ khác. Chỉ sau khi vệ tinh bị phá huỷ và tạo ra một khu vực đầy những mảnh vỡ có thể nói là nhiều nhất từ trước tới nay trong quỹ đạo thấp của Trái Đất, chính phủ Trung Quốc mới buộc phải đưa ra lời giải thích. Phản ứng gay gắt đối với vụ thử có thể ảnh hưởng tới các quan điểm quân sự của Trung Quốc rằng các lực lượng Hoa Kỳ có thể, trong trường hợp có đụng độ quân sự với Trung Quốc, quyết định tấn công vào các khu vực phóng nằm sâu trong lãnh thổ của đất nước. Nỗi sợ này có thể được giải quyết thông qua việc tăng cường an ninh hơn nữa tại các tổ hợp khí tài chống vệ tinh, ví dụ như tàu ngầm, một khả năng gần đây đang được nêu lên trong các bài viết và nghiên cứu ở Trung Quốc.

16. Các nước láng giềng như Ấn Độ, Nhật Bản, Việt Nam, và Nga (Fear of regional neighbors India, Japan, Vietnam and Russia)

Trong khi các học giả quân sự Trung Quốc rõ ràng đang tránh né các cuộc thảo luận rộng rãi về mối nguy hiểm mà các quốc gia láng giềng tạo ra, quân đội Trung Quốc lại nhận thức rõ ràng mối đe dọa tới từ mọi hướng. Các học giả Trung Quốc tập trung sự chú ý của mình vào số lượng tương đối của các lực lượng quân sự cũng như các hoạt động quân sự tại Nam Á, và ghi nhận các cuộc tập trận chung của Ấn Độ (ví dụ như cuộc tập trận Checkerboard vào năm 2001). Một chuyên gia đã khẳng định rằng các mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ tại khu vực Tây Thái Bình Dương bao gồm hạn chế không gian hoạt động của các tàu ngầm hạt nhân Trung Quốc với sự giúp đỡ từ Ấn Độ. Đối với Nhật Bản, trong khi các quan chức Hoa Kỳ coi quốc gia này như một đất nước hoà bình, các học giả Trung Quốc lại thể hiện một sự thiếu tin tưởng sâu sắc đối với mục đích quân sự của nước Nhật. Nhiều học giả đã bày tỏ lo ngại về chủ nghĩa dân tộc của người Nhật và khả năng Nhật Bản có thể triển khai vũ khí hạt nhân. Các nhà nghiên cứu từ Học viện Khoa học Quân sự Trung Quốc cũng đã nêu lên quan ngại về quá trình thay đổi của lực lượng quân đội Nhật Bản. Thậm chí nước Nga, vốn được coi là một đồng minh của Trung Quốc, cũng không miễn nhiễm với những mối nghi ngờ: Trung Quốc lo ngại thứ mà một giáo sư tại Đại học Phục Đán mô tả là tâm lý “đế quốc” của Nga.

Những nỗi sợ hãi này vừa sâu sắc mà cũng vừa có tầm ảnh hưởng bao quát. Tất cả chúng đều có thể ảnh hưởng tới các phản ứng của Trung Quốc đối với các chính sách của Hoa Kỳ, và

nên được các nhà lập pháp Hoa Kỳ chú ý khi xác định xem chiến lược nào là hiệu quả nhất khi đối phó với Trung Quốc.

Một nghìn tỉ USD trong chi tiêu và nỗi sợ của Hoa Kỳ

Trước khi nghiên cứu một số chiến lược mà các nhà lập pháp Hoa Kỳ có thể theo đuổi, bối cảnh quân sự chung làm xuất phát điểm cho một hướng tiếp cận chính sách mới cũng cần phải được xem xét một cách chi tiết. Cho tới ít nhất là năm 2004, nội bộ Trung Quốc đã tranh luận giai đoạn phát triển quân sự tiếp theo, sẽ kéo dài trong vòng 20-30 năm tới. Có rất nhiều tranh luận bên trong giới quân sự Trung Quốc về phương hướng chính xác mà quân đội phải hướng tới, và thực sự rất khó khăn trong việc xác định tầm ảnh hưởng của những sĩ quan quân đội vốn ủng hộ những nỗ lực phát triển một lực lượng quân sự viển dương với khả năng phát huy năng lực hiệu quả ra bên ngoài. Theo cựu Giám đốc Tình báo Quốc gia Hoa Kỳ Dennis Blair, chính sách an ninh quốc gia của Trung Quốc, tương tự như Ấn Độ hay Nhật Bản, không chịu sự ảnh hưởng đáng kể nào bởi các yếu tố dân tộc chủ nghĩa. “Cả ba quốc gia này đều có các đảng phái hay phe phái chính trị ưa thích chủ nghĩa dân tộc,” Blair viết, “nhưng các đảng phái hay phe phái đó hiện tại chỉ chiếm thiểu số và không có nhiều khả năng sẽ nắm quyền.” Với tinh thần tương tự, Cortez Cooper, một nhà phân tích kỳ cựu tại RAND, đã cho rằng các lãnh đạo Hoa Kỳ có khả năng tái định hướng khả năng quân sự của Trung Quốc ra khỏi “quyết định xây dựng một quân đội với năng lực triển khai sức mạnh hàng hải hùng mạnh.” Thế nhưng nghiên cứu các nguồn tài liệu quân sự Trung Quốc lại cho thấy một lý lẽ mạnh mẽ từ chính người Trung Quốc rằng họ đang vô cùng lo ngại về các mối đe dọa quân sự từ bên ngoài, với mong muốn ngày càng mạnh mẽ về một quá trình phát triển quân sự chủ động hơn, mà nếu thiếu vắng quá trình này người Trung Quốc sẽ không cảm thấy tự tin về an ninh quốc gia của mình. Những phản biện mạnh mẽ phản ứng lại những lời kêu gọi mang đầy tính chất điều hậu hiệu chiến này dường như không tồn tại.

Hơn nữa, nguồn tài chính sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu hiện đại hoá của quân đội Trung Quốc là rất lớn. Kế hoạch chi tiêu quốc phòng Trung Quốc (mặc dù đã được ước lượng một cách thận trọng) do RAND ước tính trong trường hợp cao nhất gia tăng từ con số 75,6 tỷ USD vào năm 2003 lên 403 tỷ USD vào năm 2025. Ước tính thấp hơn thì đưa ra con số gia tăng từ 68,8 tỷ USD vào năm 2003 lên 185 tỷ USD vào năm 2025. RAND cũng đã đánh giá nguồn tài nguyên tiềm tàng mà Trung Quốc cần phải sử dụng để mua bán các thiết bị quân sự trong hai thập kỷ tới. Quá trình tiếp nhận các trang thiết bị quân sự của Trung Quốc từ năm 2003 cho tới năm 2025 trong trường hợp cao nhất tương đương với một nửa số lượng trang thiết bị quân sự

mà Hoa Kỳ sẽ tiếp nhận, cũng như nghiên cứu và phát triển (R&D) trong khoảng thời gian từ 1985 đến 2003. Vào năm 2025, dưới kịch bản này, không một nước nào khác ngoài Hoa Kỳ có thể cạnh tranh với Trung Quốc về số lượng trang thiết bị vũ khí. Với các kết quả này, RAND giả định rằng tỷ lệ ngân sách quốc phòng dành cho không quân Trung Quốc trong tổng ngân sách quốc phòng sẽ tương đương với tỷ lệ ngân sách dành cho không quân Hoa Kỳ. Theo quan điểm của RAND, chi tiêu tối đa mà Trung Quốc dành cho R&D cũng như tiếp nhận các trang bị vũ khí mới cho không quân từ 2003 cho tới 2025 sẽ vào khoảng 490 tỷ USD. RAND đã không thực hiện các tính toán này cho hải quân Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sử dụng giả định tương tự, thì ngân sách của Trung Quốc cho hải quân cũng sẽ vào khoảng 500 tỷ USD dành cho R&D và việc tiếp nhận vũ khí trang bị mới từ 2003 cho tới 2025. Kết hợp lại với tổng chi phí vào khoảng 1 nghìn tỷ USD, RAND thừa nhận rằng đã sử dụng giả định được coi là dè dặt nhất về tốc độ phát triển của nền kinh tế Trung Quốc từ năm 2003 cho tới năm 2025. Đặc biệt, tốc độ phát triển kinh tế bình quân của Trung Quốc trong giai đoạn này được giả định là không quá 5%. Trong cùng khoảng thời gian đó, RAND cũng giả định kinh tế Hoa Kỳ tăng trưởng với một tốc độ lạc quan là 3% từ năm 2003 cho tới 2025. Nếu điều chỉnh tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc trong giả định lên thành 10% như thực tế, chi tiêu cho R&D và tiếp nhận vũ khí trang bị mới của cả không quân và hải quân Trung Quốc sẽ được bổ sung thêm một khoản không hề nhỏ bên cạnh nguồn ngân sách 500 tỷ USD.

Xoa dịu những nỗi sợ của Bắc Kinh

Như đã lưu ý, khái niệm tái đảm bảo đã xuất hiện thường xuyên trong các đề xuất chính sách có mục đích đối phó với quá trình phát triển quân sự của Trung Quốc. Chính sách tái đảm bảo mong muốn thuyết phục các lãnh đạo Trung Quốc rằng họ không đối mặt với bất cứ một mối đe dọa nào và vì thế việc gia tăng chi tiêu quốc phòng là không cần thiết. Những chính sách dựa trên khái niệm này đã được nhiều cá nhân nổi tiếng ủng hộ – Henry Kissinger, một trong số đó, tin rằng “Trung Quốc có thể tìm thấy các thành tố của tái đảm bảo trong chính lịch sử của nước này và trong thực tế rằng không có một chính quyền Hoa Kỳ nào từ trước tới nay tìm cách thay đổi một sự thật rằng Trung Quốc là một trong những cường quốc, nền kinh tế, và nền văn minh hàng đầu thế giới.” Tuy nhiên, Kissinger có lẽ đã đánh giá quá thấp mức độ sợ hãi và sự thiếu niềm tin của Trung Quốc dành cho Hoa Kỳ. Do thế giới quan đặc biệt của Trung Quốc, dựa vào tái đảm bảo sẽ không phù hợp. Thêm vào đó, các nỗ lực nhằm định hình hay cân bằng lại các yếu tố ngăn chặn của lực lượng quân sự Trung Quốc trong tương lai có thể dẫn tới những hậu quả không thể lường trước.

Tuy nhiên có một dạng tái đảm bảo chưa bao giờ được tận dụng một cách triệt để, và có thể chứng tỏ sự hiệu quả của mình. Hoa Kỳ đã tổ chức các cuộc đối thoại về kiểm soát vũ khí với Trung Quốc trong suốt những năm vừa qua, nhưng chưa bao giờ chính thức đề xuất một phương thức kiểm soát vũ khí song phương nào, cả với vũ khí thông thường cũng như vũ khí hạt nhân. Vậy các hình thức kiểm soát vũ khí song phương nào sẽ tạo ra hiệu quả cần thiết?

Christopher Twomey đã đề nghị rằng việc phê chuẩn nhanh chóng Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện sẽ gửi một thông điệp tích cực tới Trung Quốc, đồng thời cũng tiếp thêm sinh lực cho những nỗ lực ngoại giao nhằm tạo ra một hiệp ước có thể cắt giảm việc tạo ra nguyên liệu hạt nhân phân hạch dùng trong sản xuất vũ khí. Với vấn đề được đề cập sau này, sự phản đối của Trung Quốc cần phải được đặc biệt lưu ý. Số lượng nguyên liệu hạt nhân của Trung Quốc chỉ chiếm một phần rất nhỏ nếu so với Hoa Kỳ. Vì thế việc khống chế số lượng nguyên liệu hạt nhân của Trung Quốc một cách lâu dài chỉ có thể được Trung Quốc chấp nhận nếu đi kèm với những điều kiện khác. Những vấn đề này phải được thảo luận thẳng thắn, bao gồm sự cần thiết phải tiến hành những bước thăm tra hay xác minh. Bên cạnh những bước đi nhỏ như vậy, một cơ chế chống phổ biến mới cũng cần được xây dựng. Trung Quốc cần phải được tham gia toàn diện vào nỗ lực này.

Các phương pháp đo lường lòng tin song phương giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ cũng cần được thảo luận, đặc biệt đối với những chính sách mang tính tuyên bố. Người Trung Quốc thường xuyên nêu câu hỏi rằng tại sao Hoa Kỳ không có ý định đưa ra một lời cam kết không tấn công (hạt nhân) trước (no-first-use policy). Một cam kết như vậy sẽ làm giảm tín nhiệm của Hoa Kỳ tại các khu vực khác, nhưng chính sách không tấn công trước áp dụng cho mối quan hệ Mỹ-Trung dường như tạo ra chi phí thấp hơn. Tuy nhiên, một số câu hỏi xoay quanh chính sách như trên vẫn chưa có câu trả lời thỏa đáng, bao gồm những lợi ích nào Hoa Kỳ có thể đạt được từ phía Bắc Kinh để đổi lại một cam kết không tấn công trước. Vẫn chưa rõ liệu Bắc Kinh có nhìn nhận tuyên bố dứt khoát của Hoa Kỳ công nhận sự tồn tại khả năng đáp trả của Trung Quốc theo một cách tích cực hay không, và vẫn chưa rõ Hoa Kỳ sẽ mong muốn nhận lại được điều gì từ Trung Quốc.

Một cách tiếp cận khác của tái đảm bảo sẽ là tham gia vào các đàm phán cắt giảm vũ khí ràng buộc với Trung Quốc. Sẽ xuất hiện một thời điểm thích hợp để tiến hành các đàm phán cắt giảm vũ khí truyền thống nhằm tiến tới xây dựng một hiệp ước mang tính ràng buộc pháp lý giữa Bắc Kinh và Washington, hay thậm chí một hiệp ước tay ba với Moscow. Tuy nhiên trong hiện tại, điều này khó có khả năng xảy ra, do các quan chức Hoa Kỳ đang bận bịu đàm phán các bước đi tiếp theo của Hiệp ước START, và các quan chức Trung Quốc vẫn tiếp tục

cho rằng Hoa Kỳ và Nga phải lãnh trách nhiệm tiên phong trong quá trình giải giáp vũ khí hạt nhân, trong khi đó lại từ chối những bước đi minh bạch cần thiết cho quá trình đàm phán hiệp ước chính thức.

Người Trung Quốc hiện tại chưa có hứng thú tham gia thảo luận về các hiệp định kiểm soát vũ khí song phương truyền thống bởi 2 lý do: trong mắt họ, đàm phán những hiệp định như thế không khác nào cho rằng mối quan hệ song phương Mỹ-Trung hiện tại giống với mối quan hệ căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Liên Xô trong Chiến tranh Lạnh; và kho vũ khí của Hoa Kỳ vẫn lớn hơn Trung Quốc nhiều lần. Tuy vậy, sẽ là sai lầm nếu coi những quan điểm như trên là bất biến. Christopher Twomey cho rằng việc Bắc Kinh luôn muốn giấu diếm về kho vũ khí của mình, vốn hoàn toàn không thích hợp với các đàm phán nghiêm túc về kiểm soát vũ khí, không phải là một xu hướng văn hoá hướng tới “chiến lược đánh lừa.” Đặc điểm này tương tự như hành động của Liên Xô trong việc bảo vệ các bí mật của mình đầu thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Thay vào đó, tất cả những hành động trên (của cả Trung Quốc và Liên Xô) là những chiến lược duy lý khi số lượng vũ khí hạt nhân họ đang sở hữu vẫn còn khiêm tốn. Twomey cũng lập luận rằng hành động kiểm chế hạt nhân đơn phương của Hoa Kỳ có thể tác động tới quá trình hoạch định chính sách quốc phòng của Trung Quốc; ví dụ như sự kiểm chế của Hoa Kỳ trong việc triển khai hệ thống dẫn đường có độ chính xác cao trong các đầu đạn *TridentII* có thể khiến Bắc Kinh ngầm kiểm chế hành vi của mình trong những lĩnh vực khác. Chính xác thì những trao đổi kiểu như trên chính là điểm tối quan trọng trong các hiệp định kiểm soát vũ khí giữa Hoa Kỳ và Liên Xô trong suốt Chiến tranh Lạnh. Mặc dù những bước đi như vậy vẫn còn quá sớm trong hiện tại, hiểu được phạm vi của những trao đổi như thế sẽ tạo ra nền tảng căn bản cho những cuộc thảo luận trong tương lai.

Một cam kết không tấn công trước có thể khuyến khích Trung Quốc kiểm soát lại kho vũ khí của mình ở những khía cạnh khác nhau, với những biện pháp xác minh cần thiết. Chế ngự nỗi sợ của Trung Quốc sẽ dễ dàng hơn nếu như họ không lo sợ sẽ bị tấn công trước. Người Trung Quốc hiện tại đang gặp khó khăn trong việc nhận ra mối đe dọa như thế từ cả phía Hoa Kỳ và Nga. Khuyến khích Trung Quốc hạn chế số lượng tên lửa và đầu đạn sẽ dễ dàng hơn nếu Washington có thể đưa ra được những thay đổi mục tiêu mang tính song phương với hy vọng khuyến khích quá trình cắt giảm vũ khí của Trung Quốc.

Một số người Mỹ lo ngại rằng Trung Quốc có thể chọn con đường mà Liên Xô đã chọn trong thập niên 1960: xây dựng một lực lượng quân sự khổng lồ với khả năng áp đảo hạt nhân chống lại Hoa Kỳ và phương Tây. Tuy nhiên, như Brad Roberts đã ghi nhận trước khi ông tham gia Lầu Năm Góc, dường như không có tiếng nói nào ủng hộ lựa chọn này từ phía Trung

Quốc. Theo Roberts, rất khó để có thể tìm được ‘thậm chí là một gợi ý về sự quan tâm của Trung Quốc tới chiến lược phản công quân sự’ tương tự như những hoạt động triển khai quân sự khổng lồ được tiến hành bởi Hoa Kỳ và Liên Xô trong Chiến tranh Lạnh. Trung Quốc dường như không có động lực để cạnh tranh với Hoa Kỳ, quốc gia đang sở hữu hàng ngàn tên lửa tấn công xuyên lục địa. Tất nhiên, một sự cắt giảm sâu trong kho vũ khí của Hoa Kỳ có thể có tác dụng khuyến khích Trung Quốc làm điều tương tự. Tuy vậy, Roberts kết luận rằng Trung Quốc ngày nay không giống với Liên Xô của năm 1984, với mong muốn tìm kiếm sự cân bằng hay thậm chí là một lợi thế hạt nhân so với Hoa Kỳ.

Một số cách tiếp cận khác giúp định hình tương lai của quân đội Trung Quốc cũng đã được cả các học giả cũng như giới quan chức Hoa Kỳ đề xuất. Tuy nhiên vẫn có những tiếng nói bi quan cảnh báo rằng các chính sách của Hoa Kỳ sẽ rất khó, thậm chí là không thể, ảnh hưởng tới mức độ phát triển cũng như định dạng của lực lượng quân sự Trung Quốc trong tương lai. Mark Cozad, từng làm việc trong Cơ quan Tình báo Quốc phòng, ủng hộ quan điểm này nhất khi ông viết rằng các quyết định của Trung Quốc nằm ngoài tầm kiểm soát của Hoa Kỳ, khiến cho “việc tác động lên các quyết định hiện đại hoá hay chiến lược quân sự của Trung Quốc là cực kỳ khó khăn.”

Với những tiếng nói tích cực hơn, một số quan chức và học giả đã nhìn thấy những cơ hội tuyệt vời để định hướng quân đội Trung Quốc. Những nhân vật lạc quan này đã đề xuất ít nhất ba cách tiếp cận. Đầu tiên, một vài người tin rằng một nỗ lực dài hạn nhấn mạnh việc Washington chỉ muốn hợp tác với Trung Quốc sẽ làm giảm đi quá trình nâng cấp năng lực quân sự trong tương lai vốn có mục tiêu đối phó với các mối đe dọa từ Hoa Kỳ. Cách tiếp cận này có thể được sử dụng nhằm xoa dịu các lo lắng của Bắc Kinh rằng Hoa Kỳ có ý định hạn chế sự trỗi dậy của Trung Quốc. Những đề xuất khác đi xa hơn tái đảm bảo khi mong muốn Hoa Kỳ tiến hành hoà giải với mục đích hạn chế các nỗ lực phòng thủ ngăn chặn của Trung Quốc. Một cách tiếp cận gần gũi thứ hai được đề cập bởi một số nhà phân tích là việc chuyển hướng chi tiêu quốc phòng của Trung Quốc, khiến cho nước này không sử dụng các khoản chi tiêu của mình để đầu tư phát triển một lực lượng hải quân có quy mô toàn cầu hay một lực lượng quân sự có khả năng triển khai lực lượng tầm xa, hay gia tăng lực lượng hạt nhân tầm xa. Một ví dụ các học giả Hoa Kỳ đã đưa ra là Washington cần đảm bảo với Trung Quốc rằng Hoa Kỳ sẽ bảo vệ các tuyến liên lạc trên biển của Trung Quốc. Một bước đi khác, có liên quan, sẽ là huỷ bỏ tất cả các thoả thuận bán vũ khí cho Đài Loan vốn có thể kích động Trung Quốc đầu tư vào xây dựng khả năng triển khai tầm xa. Bước tiếp cận thứ ba được đề nghị là hạn chế các chương trình quốc phòng của Hoa Kỳ mà không đưa ra các đề nghị hay yêu sách nào, ví dụ như lập ra

một mức trần trong khả năng phòng thủ tên lửa Hoa Kỳ, để đảm bảo với Trung Quốc rằng nước này có khả năng huỷ diệt các thành phố của Hoa Kỳ với hy vọng Trung Quốc sẽ không mở rộng lực lượng hạt nhân của họ.

Làm thế nào để can ngăn

Bên cạnh những ý tưởng nhằm mục tiêu tái đảm bảo hay các bước đi có thể có nhằm chuyển hướng đầu tư của Trung Quốc ra khỏi việc phát triển năng lực triển khai tầm xa, có một nhóm các đề xuất quan trọng khác được gọi là “can ngăn” hay “chiến lược cạnh tranh.” Các tác giả của những sáng kiến này mong muốn can ngăn việc Trung Quốc phát triển các lực lượng ngăn chặn, bằng cách phát triển hệ thống vũ khí và năng lực cạnh tranh của Hoa Kỳ như một biện pháp nhằm khuyến khích Trung Quốc tái phân bổ chi tiêu quốc phòng để chống lại những khả năng mới của Hoa Kỳ. Một trong những đề xuất như thế là phát triển máy bay ném bom tàng hình để khiến Trung Quốc phải tập trung hơn vào phòng không. Kế hoạch mang tên Prompt Global Strike (nỗ lực tạo ra một hệ thống có thể tấn công mọi địa điểm trên thế giới bằng vũ khí chính xác trong vòng một tiếng đồng hồ – ND) đã tạo ra khả năng giúp Hoa Kỳ giành ưu thế so với các loại vũ khí chống vệ tinh của Trung Quốc và có lẽ ngăn cản Trung Quốc tiến vào lĩnh vực phát triển vũ khí chống vệ tinh.

Một trong số các đề xuất sáng tạo liên quan tới chiến lược can ngăn được Robert Martinage phát triển trước khi ông trở thành nhân viên của Lầu Năm Góc. (Ông cũng đã nhấn mạnh rằng ý tưởng của mình mới chỉ ở dạng minh họa.) Ý tưởng này dựa trên một khái niệm đã một trăm năm tuổi từ nước Anh, khuyến khích Trung Quốc đầu tư mạnh mẽ vào việc xây dựng một lực lượng hải quân biển xanh, tuy nhiên về căn bản là đầu tư vào những công nghệ sẽ sớm bị lỗi thời, ví dụ như chiếc tàu sân bay 30 năm tuổi vốn dễ dàng bị đánh chìm bởi các tên lửa của Hoa Kỳ, Ấn Độ, Nhật Bản hay Việt Nam, thay vì theo đuổi những công nghệ tiên tiến hơn. Một cách để thực hiện chiến lược này là khuyến khích Ấn Độ phát triển hải quân nước xanh, hay tạo ra các mối đe dọa dễ nhận thấy đối với các tuyến liên lạc trên biển của Trung Quốc, qua đó thúc đẩy Trung Quốc đầu tư sớm hơn, mạnh mẽ hơn và với quy mô rộng lớn hơn vào việc xây dựng hải quân nước xanh so với bình thường. Đề xuất thứ hai là Washington sẽ thực hiện các bước đi nhằm khuyến khích Trung Quốc tập trung vào phát triển các tàu chiến tầm ngắn, ven bờ hơn là phát triển các loại tàu chiến tầm xa. Điều này có nghĩa tạo ra một nhận thức bên trong giới hoạch định chính sách Trung Quốc rằng vùng nước lãnh thổ của quốc gia đang bị đe dọa, và vì thế nên ưu tiên cho phòng thủ bờ biển thay vì phát triển hải quân nước xanh hay mạng lưới các căn cứ vốn tốn kém. Ví dụ, Hoa Kỳ có thể gia tăng mối đe dọa tới

vùng biển gần Trung Quốc bằng cách sử dụng các tàu ngầm tấn công, qua đó khiến Bắc Kinh tập trung nhiều nguồn lực hơn cho khả năng chống tàu ngầm ven biển.

Ở một dạng khác của chiến lược ca-nhấn, Washington có thể triển khai các hiệp định kiểm soát vũ khí tại những lãnh vực mà Hoa Kỳ đang sở hữu lợi thế chiến lược, ví dụ, ngăn chặn việc triển khai khả năng chống vệ tinh trên mặt đất cũng như trên không gian, hay cố gắng ngăn cấm phát triển các loại vũ khí sinh học hay các loại vũ khí hạt nhân cải tiến như vũ khí xung điện từ, các loại vũ khí tăng phóng xạ hay các loại vũ khí phóng xạ hạn chế. Thêm vào đó, Hoa Kỳ có thể phát triển, triển khai và thể hiện những năng lực cần thiết nhằm mục tiêu vô hiệu hoá hay triệt tiêu những năng lực của Trung Quốc trong tương lai, ví dụ như các loại vũ khí có khả năng xuyên thủng mạng lưới chống tiếp cận (A2/AD) của Trung Quốc, cũng như tấn công vào các mục tiêu cố định hay di động. Tương tự, Hoa Kỳ có thể phát triển các khả năng tình báo, giám sát, trinh sát và tấn công chính xác tầm xa, mang tính chất bí mật và lâu dài; phát triển các loại tàu ngầm tấn công hạt nhân cũng như các tàu ngầm có thể mang theo tên lửa liên lục địa; hệ thống chiến đấu không người lái trên không của hải quân dành cho tàu sân bay; phát triển các khả năng định vị và vô hiệu hoá những mục tiêu được củng cố và chôn sâu dưới mặt đất; khả năng định vị trên không và ở không gian; các robot cảm biến siêu nhỏ; các loại vũ khí có phạm vi tấn công toàn cầu; và khả năng tấn công điện tử (bao gồm sóng cực ngắn có cường độ cao và khả năng tấn công mạng). Washington cũng có thể phát triển và biểu dương khả năng phòng thủ và phản công, ví dụ như tăng cường phòng thủ cho các căn cứ của Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương, vốn có thể bắt buộc Trung Quốc phải gia tăng số lượng tên lửa dùng để tấn công một mục tiêu trong bất cứ kịch bản chiến tranh nào, và vì thế buộc đất nước này phải đầu tư vào những loại tên lửa tầm xa đắt tiền hơn với đầu đạn đơn. Một lựa chọn khác có thể là giới thiệu các khả năng phòng thủ tên lửa đạn đạo, tên lửa đối hạm hiệu quả hơn, hoặc trang bị cho các vệ tinh tương lai của Hoa Kỳ khả năng tiếp liệu trên quỹ đạo, cho phép các vệ tinh này hoạt động thường xuyên hơn.

Cuối cùng, Hoa Kỳ có thể thuyết phục Trung Quốc rằng khả năng quân sự mà nước này đang theo đuổi có thể trở nên không phù hợp hay lỗi thời. Ví dụ, Washington có thể chứng minh rằng gây nhiễu sóng radio là không phù hợp bằng cách đầu tư phát triển kỹ thuật liên lạc la-de cũng như triển khai các hệ thống thay thế vệ tinh (ví dụ như các khinh khí cầu cao độ hay các thiết bị bay không người lái có dự trữ hành trình cực cao).

Đo lường các phản ứng của Trung Quốc

Bất luận chiến lược nào được áp dụng, tất cả các nhà phân tích đều đồng ý rằng hầu như mọi thứ đều dựa vào việc Trung Quốc sẽ phản ứng như thế nào. Tuy vậy sẽ là sai lầm khi giả định rằng Trung Quốc sẽ phản ứng với tất cả các bước đi chiến lược của Hoa Kỳ. Theo một nghiên cứu đăng tải trên tạp chí *Harvard Business Review*, trong cạnh tranh, một phần ba thời gian các công ty tư nhân không đưa ra bất kỳ phản ứng nào trước các hành vi của đối thủ. Rất có khả năng các quyết sách chiến lược của Trung Quốc vận hành tương tự như các tổ chức kinh doanh, có nghĩa là, ít nhất trong một vài trường hợp, cách tiếp cận của người Mỹ không mang lại bất cứ kết quả nào. Tuy nhiên, có thể tối thiểu hoá khả năng xảy ra hệ quả này bằng cách đánh giá bất kỳ chiến lược nào bằng các câu hỏi sau đây:

- Liệu các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc có nhận ra rằng Hoa Kỳ đang có một kế hoạch nào đó hay không? Thậm chí nếu các bước đi là rõ ràng, các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc có thể không nhận ra được.

- Các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc có thể đạt được mục tiêu chính sách mặc cho các bước đi của Hoa Kỳ? Nếu như vậy, họ có thể kết luận rằng trả đũa sẽ không xứng đáng với chi phí bỏ ra cũng như những xao lãng trong chính sách mà các bước trả đũa đó mang lại (cho Trung Quốc), trừ khi nỗi sợ và sự nhạy cảm thực sự của họ bị thổi bùng lên.

- Liệu trả đũa có phải là một ưu tiên? Các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc đã có một kế hoạch dài để thực hiện, và kế hoạch này rất có thể sẽ phải hoãn lại để tiến hành trả đũa. Nếu như họ đã cam kết thực hiện các kế hoạch vốn thu hút hoàn toàn sự chú ý của mình, các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc sẽ trở nên lưỡng lự nếu như phải thay đổi lại ưu tiên, và một lần nữa trừ khi nỗi sợ hãi và sự nhạy cảm của họ bị động chạm.

- Liệu các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc có vượt qua được sức ì hệ thống hay không? Nhiều quan chức sẽ phản đối nếu như trả đũa đòi hỏi phải tiến hành các thay đổi hệ thống.

- Hoa Kỳ có thể thuyết phục Trung Quốc về những ý định tốt đẹp, mang tính hàm ơn, và hợp tác của mình đến mức độ nào? Các xuất bản phẩm mang tính dân tộc chủ nghĩa, hay thậm chí hoang tưởng, xuất hiện ở Trung Quốc đã đề nghị rằng nước này không bao giờ nên chấp nhận chính sách tái đảm bảo của Hoa Kỳ, vì những chính sách như vậy chỉ là bình phong che đậy một chiến lược khác nhằm kiềm chế tăng trưởng của Trung Quốc.

- Liệu những nỗi sợ của Trung Quốc sẽ gia tăng mạnh mẽ tới mức độ nào nếu như xuất hiện một chiến lược của Hoa Kỳ nhằm chuyển hướng luồng vốn đầu tư của Trung Quốc ra khỏi

các hệ thống vũ khí ngăn chặn và khả năng triển khai quân tầm xa? Liệu các nỗ lực tích cực sẽ mang lại hiệu quả? Thay vào đó, liệu nỗi sợ hãi của Trung Quốc có lớn đến mức Hoa Kỳ có thể dễ dàng khiến cho nước này thay đổi từ phát triển một lực lượng quân sự toàn cầu sang một lực lượng quân sự hợp tác hơn với chi phí quốc phòng hướng nội nhiều hơn?

Dĩ nhiên, nếu Trung Quốc quyết định phản ứng hay trả đũa lại một bước đi nào đó của Hoa Kỳ, họ chắc chắn sẽ chọn một phương án gây hậu quả nặng nề nhất dựa theo phân tích của riêng họ. Việc các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ nghiên cứu các hành vi và ưu tiên thực tế (chứ không phải lý thuyết hay lý tưởng) của giới hoạch định chính sách Trung Quốc là rất quan trọng, để có thể dự đoán được một cách chính xác hơn các phản ứng hay trả đũa, để có thể nhận diện được các phản ứng đó, và để đánh giá xem phản ứng nào sẽ gây ra hậu quả lớn nhất cho nước Mỹ dựa theo các tiêu chuẩn riêng của Trung Quốc. Hơn nữa, luôn phải nhớ rằng các mối liên hệ cũng như những yếu tố mang tính tổ chức trong quá trình hoạch định chính sách của Trung Quốc vẫn đang tồn tại, khiến cho một số lựa chọn chính sách nhất định của Hoa Kỳ có khả năng thật sự kích động Trung Quốc theo đuổi phát triển quân sự mạnh mẽ hơn cũng như gia tăng ngân sách quốc phòng trong tổng chi tiêu chung. Rõ ràng, không một nhà chiến lược nào của Hoa Kỳ mong muốn kích động gia tăng sự nghi ngờ và thiếu lòng tin từ phía Trung Quốc, vốn có thể dẫn tới quyết định chi tiêu quốc phòng lớn hơn so với thực tế hiện nay.

Những ai đã hạ thấp tầm quan trọng của quá trình xây dựng quân đội Trung Quốc trong hai thập kỷ vừa qua cần phải xem lại quan điểm của mình. Những sáng tạo mới là cần thiết để các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ quyết định xem liệu có thể hạn chế được các năng lực ngăn chặn của quân đội Trung Quốc trong tương lai hay không, và nếu được, thì bằng cách nào. Kinh nghiệm từ Chiến tranh Lạnh có thể trở nên hữu ích khi Hoa Kỳ lựa chọn một chính sách phù hợp để đối phó với Trung Quốc: Christopher Ford và David Rosenberg đã nhắc nhở chúng ta rằng những cố gắng trong nhiều năm nhằm thu thập thông tin về tư duy quân sự của Liên Xô đã phát huy tác dụng trước cả khi những biện pháp chính sách được thực thi – bao gồm đàm phán kiểm soát vũ khí – nhằm hạn chế lực lượng quân sự của Moscow. Liệu chúng ta đã đạt đến tầm hiểu biết tương tự như vậy về Trung Quốc hay chưa vẫn là một câu hỏi mở xứng đáng có một câu trả lời rõ ràng. Cho đến khi đó, nguyên tắc định hướng cho các nhà hoạch định chính sách sẽ là “trước tiên, đừng gây hại.”

GIỚI THIỆU DỰ ÁN BIÊN DỊCH TÀI LIỆU HỌC THUẬT VỀ KINH TẾ VÀ CHIẾN LƯỢC TRUNG QUỐC

Mục đích

Dự án Biên dịch tài liệu học thuật về Kinh tế và Chiến lược Trung Quốc là một dự án phi chính trị, phi thương mại và phi lợi nhuận do Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR (VCES) tổ chức thực hiện nhằm mục đích cung cấp, phát triển nguồn học liệu có giá trị, cập nhật những thông tin kịp thời và có hệ thống, đồng thời cung cấp những nhận định sâu sắc về chuyên ngành nghiên cứu kinh tế và chiến lược Trung Quốc bằng tiếng Việt, góp phần thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề về Trung Quốc tại Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Dự án Biên dịch tài liệu học thuật về Kinh tế và Chiến lược của Trung Quốc* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Trung, tiếng Anh về các vấn đề của Trung Quốc, trong đó chủ yếu là về lĩnh vực kinh tế, chiến lược.

Nguồn tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, tài liệu hội thảo khoa học hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực Kinh tế và Chiến lược của Trung Quốc;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đông đảo độc giả quan tâm.

Trang chủ VEPR: www.vepr.org.vn

Thông tin thêm về dự án: Đang cập nhật

Danh mục các bài đã xuất bản: Đang cập nhật

Theo dõi Dự án trên Facebook:

<https://www.facebook.com/DuAnBienDichKinhTeChienLuocTQ>

Mọi ý kiến đóng góp và trao đổi xin vui lòng gửi tới:

Ms. Nguyễn Thị Thanh Tú

Email: vcres@vepr.org.vn

Hotline: 0906 069 196



NHỮNG TÁC PHẨM DỊCH KHÁC

TLD-05 Trông đợi Tập Cận Bình cải cách chính trị? Cải cách kinh tế thành công thì mới có cơ hội

TLD-06 Trung Quốc trước bước ngoặt: Mời thách thức cải cách chủ yếu

TLD-07 Chính trường Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình

TLD-08 Đông Nam Á: Dưới cái bóng của Trung Quốc

LIÊN HỆ

Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR (VCES)

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 707, Nhà E4
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3 754 7506 -704/714

Fax: (84-4) 3 754 9921

Email: nguyen.thanhtu@vepr.org.vn

Website: www.vepr.org.vn

Bản quyền © VCES 2015